TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2020.
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ;

Bà Huỳnh Thị Cát Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 775/2019/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 420/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị K.T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu phố MK, thị trấn HP, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Hồ Thanh P, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu phố MK, thị trấn HP, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2019, bản tự khai ngày 10/01/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn chị Trần Thị K.T trình bày:*

Chị và anh P xây dựng gia đình với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HP nay là thị trấn HP ngày 26/02/2004. Sau khi kết hôn thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Từ năm 2018 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, anh P không lo làm ăn phụ giúp vợ con, đời sống kinh tế gặp nhiều khó khăn, vợ chồng không tìm được

tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cải nhau nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tháng 8/2018 chị T đã nộp đơn ly hôn anh P cho Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng bàn bạc đoàn tụ, tuy nhiên sau khi rút đơn anh P vẫn chứng nào tất nấy không thay đổi. Chị T đã dọn ra ngoài ở và anh chị sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, anh chị đã nhiều lần ngồi lại bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Hồ Hoàng Long, sinh ngày 18/4/2005 và Hồ Hoàng Yến, sinh ngày 04/02/2017, ly hôn chị T xin nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 05/3/2020 bị đơn anh Hồ Thanh P trình bày:*

Anh và chị T xây dựng gia đình với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HP nay là thị trấn HP. Sau khi kết hôn thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Nhưng 02 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Hồ Hoàng Long, sinh ngày 18/4/2005 và Hồ Hoàng Yến, sinh ngày 04/02/2017. Ly hôn anh đồng ý giao hai con cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đồng thời anh P có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 05/3/2020. Ngoài ra anh không có ý kiến gì khác.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn không tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh P.

Về con chung: Giao hai con chung là Hồ Hoàng Long, sinh ngày 18/4/2005 và Hồ Hoàng Yến, sinh ngày 04/02/2017 cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hồ Thanh P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh P vắng mặt và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị K.T có nơi cư trú tại Khu phố MK, thị trấn HP, huyện NT, tỉnh Đồng Nai. Chị có đơn tranh chấp ly hôn với anh Hồ Thanh P hiện đang cư trú tại Khu phố MK, thị trấn HP, huyện NT, tỉnh Đồng Nai. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã HP, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 25/02/2004 nên áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh P chung sống hạnh phúc. Từ năm 2018 trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ năm 2019. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, anh P không lo làm ăn phụ giúp vợ con, đời sống kinh tế anh chị gặp nhiều khó khăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng thường hay gây gỗ, cải vã nhau. Nay chị T đã dọn ra ngoài ở và sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, có bàn bạc đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, nay anh chị không còn quan tâm gì đến nhau. Hơn nữa vào năm 2018 chị T đã từng nộp đơn ly hôn với anh P sau đó rút đơn để cho anh cơ hội sữa đổi nhưng anh vẫn không thay đổi. Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ và tại bản khai 05/3/2020 anh P đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T nên nghĩ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh P là có căn cứ.

Xét điều kiện để chị T và anh P đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, anh P đồng ý ly hôn với chị T nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét xử cho chị T được ly hôn anh P là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: có 2 con là cháu Hồ Hoàng Long, sinh ngày 18/4/2005 và Hồ Hoàng Yến, sinh ngày 04/02/2017. Chị T xin được nuôi 2 con chung

không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Tại hồ sơ anh P cũng đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Do đó cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T và giao cháu Hồ Hoàng Long, sinh ngày 18/4/2005 và Hồ Hoàng Yến, sinh ngày 04/02/2017 cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xem xét.

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị K.T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, 58, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị K.T đối với anh Hồ Thanh P về việc "Ly hôn".

Xử: Cho chị Trần Thị K.T được ly hôn với anh Hồ Thanh P.

- Về con chung: Giao hai con chung là Hồ Hoàng Long, sinh ngày 18/4/2005 và Hồ Hoàng Yến, sinh ngày 04/02/2017 cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P được quyền chăm sóc, thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Trần Thị K.T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0009782 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

3. Quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS Nhơn Trạch;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THA Nhơn Trạch;
- UBND TT. HP.
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đình Hiền